

UBND QUẬN CẨM LỆ
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
NGUYỄN CÔNG TRÚ

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I
NĂM HỌC: 2024 - 2025
MA TRẬN
MÔN: TOÁN - LỚP: 7

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Số hữu tỉ. Số thực. (3,25 đ)	Số hữu tỉ và tập hợp các số hữu tỉ. Thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ.	2 (0,5đ)	1 (0,5đ)							32,5
		Các phép tính với số thực.				1 (0,5đ)		2 (1đ)		1 (0,5đ)	
		Làm tròn số			1 (0,25đ)						
2	Góc và đường thẳng song song. (1 đ)	Góc ở vị trí đặc biệt.	1 (0,25đ)								10
		Hai đường thẳng song song.	1 (0,25đ)	1 (0,5đ)							
3	Tam giác bằng nhau (4 đ)	Các trường hợp bằng nhau của tam giác	2 (0,5đ)			2 (1,5đ)	1 (0,25đ)	2 (1đ)			40
		Tổng ba góc của tam giác. Tam giác cân. Đường trung trực của tam giác cân.	1 (0,25đ)		1 (0,25đ)		1 (0,25đ)				
4	Thu thập và biểu diễn dữ liệu. (1,75 đ)	Thu thập, phân loại dữ liệu	1 (0,25đ)								17,5
		Biểu đồ hình quạt tròn		2 (1đ)		1 (0,5đ)					

Tổng			8 (2đ)	4 (2đ)	2 (0,5đ)	4 (2,5đ)	2 (0,5đ)	3 (2đ)		1 (0,5đ)
Tỉ lệ %			40		30		25		5	
Tỉ lệ chung %			70				30			

UBND QUẬN CẨM LỆ
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
NGUYỄN CÔNG TRÚ

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I
NĂM HỌC: 2024 - 2025
BẢN ĐẶC TẢ
MÔN: TOÁN - LỚP: 7

TT	Chủ đề		Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Số hữu tỉ . Số thực	Số hữu tỉ và tập hợp các số hữu tỉ. Thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ.	Nhận biết: - Nhận biết được số hữu tỉ . - Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ.	2(TN) 1(TL)			
		Các phép tính với số thực.	Thông hiểu: - Mô tả được thứ tự thực hiện các phép tính. Vận dụng: - Vận dụng được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia số hữu tỉ để tính và tìm x. Vận dụng cao: – Vận dụng các phép toán đã học để giải quyết bài toán thực tế.		1(TL)	2(TL)	1(TL)
2	Góc và đường thẳng song song	Góc ở vị trí đặc biệt.	Nhận biết: – Nhận biết được các góc ở vị trí đặc biệt (hai góc kề bù, hai góc đối đỉnh, hai góc đồng vị).	1(TN)			
		Hai đường thẳng song song.	Nhận biết: – Nhận biết được tính chất hai đường thẳng song song, dấu hiệu nhận biết hai đường thẳng song song qua cặp góc đồng vị.	1(TN) 1(TL)			

3	Tam giác bằng nhau	Các trường hợp bằng nhau của tam giác	Nhận biết: - Nhận biết được hai tam giác bằng nhau theo TH c-g-c, tính chất hai góc bằng nhau Thông hiểu: Mô tả được hình vẽ, nhận định được các yếu tố bằng nhau của hai tam giác. Vận dụng: - Lập luận và chứng minh các đoạn thẳng bằng nhau, vuông góc, 3 điểm thẳng hàng	2(TN)	2(TL)	1(TN) 2(TL)	
		Tổng ba góc của tam giác. Tam giác cân. Đường trung trực của tam giác cân.	Nhận biết: - Nhận biết được tam giác cân. Thông hiểu: Nhận định được các yếu tố của đường trung trực. Vận dụng: – Vận dụng tổng ba góc để tính góc trong tam giác cân.	1(TN)	1(TN)	1(TN)	
4	Thu thập và biểu diễn dữ liệu.	Thu thập, phân loại dữ liệu	Nhận biết : - Nhận biết được dữ liệu số, dữ liệu không phải số.	1(TN)			
		Biểu đồ hình quạt tròn	Nhận biết : – Nhận biết được mối liên quan giữa bảng thống kê và biểu đồ quạt tròn. Thông hiểu: - Mô tả được dữ liệu của hình quạt tròn.	2(TL)	1(TL)		

ĐỀ 01

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm) Hãy chọn câu trả lời đúng nhất.

Câu 1. Cách viết nào sau đây **không** biểu diễn số hữu tỉ?

- A. $\frac{-3}{5}$ B. $\frac{-7}{0}$ C. $\frac{-8}{3}$ D. $-\frac{2}{9}$

Câu 2. Các số hữu tỉ $3; \frac{-1}{3}; \frac{5}{2}; -0,3$ sắp xếp theo thứ tự tăng dần là:

- A. $3; \frac{-1}{3}; \frac{5}{2}; -0,3$ B. $\frac{-1}{3}; -0,3; 3; \frac{5}{2}$ C. $-0,3; \frac{-1}{3}; 3; \frac{5}{2}$ D. $\frac{-1}{3}; -0,3; \frac{5}{2}; 3$

Câu 3. Phân số viết được dưới dạng số thập phân hữu hạn là:

- A. $\frac{1}{9}$ B. $\frac{-1}{2}$ C. $\frac{1}{3}$ D. $\frac{-1}{7}$

Câu 4. Trong các số sau, số vô tỉ là:

- A. 5 B. $\sqrt{4}$ C. $\sqrt{3}$ D. -9

Câu 5. Kết quả của phép tính $-0,125 + 1\frac{1}{4}$ là:

- A. $\frac{9}{8}$ B. $\frac{-9}{8}$ C. $\frac{-9}{4}$ D. $\frac{9}{4}$

Câu 6. Nếu $|x|=7$ thì x bằng:

- A. $x=7$ hoặc $x=-7$ B. $x=-7$ C. $x=7$ D. $x=7$ và $x=-7$

Câu 7. Hoạt động giờ ra chơi của các bạn trong lớp 7A: đọc sách, chơi cờ vua, nhảy dây, đá cầu, đá bóng. Dữ liệu trên thuộc loại:

- A. Dữ liệu không phải là số, không thể sắp xếp thứ tự.
B. Dữ liệu không phải là số, có thể sắp xếp thứ tự.
C. Dữ liệu là số, không thể sắp xếp thứ tự.
D. Dữ liệu là số, có thể sắp xếp thứ tự.

Câu 8. Góc tạo bởi hai tia phân giác của hai góc kề bù bằng:

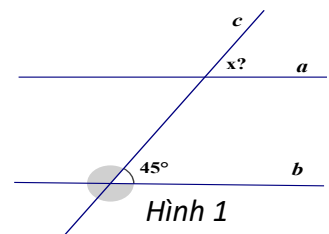
- A. 180^0 B. 60^0 C. 30^0 D. 90^0

Câu 9. Cho $\triangle MNP = \triangle ABC$. Chọn câu **sai**:

- A. $AB = MN$ B. $AC = NP$ C. $\widehat{A} = \widehat{M}$ D. $MP = AC$

Câu 10. Cho $a \parallel b$, số đo x của góc trên **Hình 1** bằng:

- A. 75^0 B. 90^0
C. 45^0 D. 55^0



Câu 11. Cho tam giác ABC cân tại A. BD là phân giác của góc B, biết $\widehat{ABD} = 40^\circ$. Số đo của $\widehat{BAD}$ là bao nhiêu?

- A. 100° B. 50° C. 60° D. 20°

Câu 12. Đường thẳng xx' là đường trung trực của đoạn thẳng AB khi:

- A. $xx' \perp AB$ tại điểm I và $IA = IB$ B. $xx' \perp AB$
C. xx' đi qua trung điểm I của AB D. $xx' \parallel AB$ và $IA = IB$

II. PHẦN TỰ LUẬN (7,0 điểm)

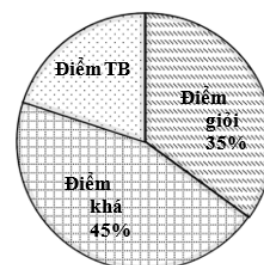
Câu 13. (1,0 điểm) Thực hiện phép tính:

a) $\left(-\frac{5}{9}\right) \cdot \frac{3}{11} + \left(-\frac{13}{18}\right) \cdot \frac{3}{11}$ b) $\left(\frac{-4}{3}\right)^2 + \sqrt{49} - |-2,5|$

Câu 14. (1,0 điểm) Tìm x , biết:

a) $\frac{7}{5} - x = \frac{1}{10}$ b) $\left|\frac{5}{6} + x\right| = \frac{1}{4}$

Câu 15. (1,5 điểm) Kết quả điểm kiểm tra cuối kỳ I môn Toán khối 7 của một trường THCS được biểu thị trong biểu đồ hình quạt tròn bên.



a) Tính tỉ lệ phần trăm học sinh đạt điểm trung bình môn toán của khối 7.

b) Lập bảng thống kê tỉ lệ điểm của các học sinh.

c) Biết trường có 360 học sinh. Tính số học sinh đạt điểm khá.

Câu 16. (3,0 điểm) Cho $\triangle ABC$ cân tại A và M là trung điểm của BC.

a) Chứng minh rằng $\triangle ABM = \triangle ACM$.

b) Gọi N là trung điểm của AB, trên tia đối của tia NC lấy điểm K sao cho $NK = NC$. Chứng minh rằng $KA = BC$.

c) Tính số đo của góc MAK.

Câu 17. (0,5 điểm) Định mức giá điện sinh hoạt năm 2023 được công ty điện lực tính như sau:

Số điện (kwh)	Giá bán điện (đồng / kwh)
Bậc 1: Từ 0 – 50 kwh	1 728
Bậc 2: Từ 51 – 100 kwh	1 786
Bậc 3: Từ 101 – 200 kwh	2 074
Bậc 4: Từ 201 – 300 kwh	2 612

(Nguồn: EVN – Theo QĐ 1062/QĐ – BCT)

Trong tháng 11, nhà bạn Dung sử dụng hết 154 kwh điện. Tính tiền điện nhà bạn Dung phải trả. Biết rằng nhà bạn Dung phải trả thêm 10% thuế giá trị gia tăng./.

-----HẾT-----

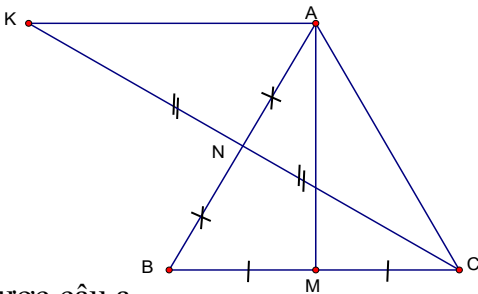
ĐỀ 01

I. TRẮC NGHIỆM: (3,0 điểm) Mỗi câu làm đúng ghi 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	D	B	C	A	A	A	D	B	C	D	A

II. TỰ LUẬN: (7,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm								
Câu 13 (1,0 điểm)	a) $\left(-\frac{5}{9}\right).\frac{3}{11}+\left(-\frac{13}{18}\right).\frac{3}{11}=\frac{3}{11}\left(-\frac{5}{9}+\frac{-13}{18}\right)=\frac{3}{11}\left(-\frac{10}{18}+\frac{-13}{18}\right)=\frac{-23}{66}$	0,5								
	b) $\left(\frac{-4}{3}\right)^2+\sqrt{49}- -2,5 =\frac{16}{9}+7-2,5$ $=\frac{16}{9}+7-\frac{5}{2}=\frac{113}{18}$	0,5								
Câu 14 (1,0 điểm)	$\frac{7}{5}-x=\frac{1}{10}$ a) $x=\frac{7}{5}-\frac{1}{10}$ $x=\frac{13}{10}$ Vậy x = $\frac{13}{10}$ b) $\left \frac{5}{6}+x\right =\frac{1}{4}$ $\frac{5}{6}+x=\frac{1}{4} \text{ hoặc } \frac{5}{6}+x=-\frac{1}{4}$ $x=\frac{1}{4}-\frac{5}{6}$ $x=\frac{3}{12}-\frac{10}{12}$ $x=\frac{-7}{12}$ $V\grave{a}y\ x=\frac{-7}{12}$	a) 0,5 b) 0,5								
	Câu 15 (1,5 điểm)	a) Tỷ lệ phần trăm học sinh đạt điểm trung bình 20% b) Bảng thống kê tỉ lệ điểm của các học sinh.<table><tr><th>Điểm các học sinh</th><th>Điểm giỏi</th><th>Điểm khá</th><th>Điểm trung bình</th></tr><tr><td>Tỉ lệ</td><td>35%</td><td>45%</td><td>20%</td></tr></table> c) Số học sinh đạt điểm khá là: $360.45\%=162$ học sinh	Điểm các học sinh	Điểm giỏi	Điểm khá	Điểm trung bình	Tỉ lệ	35%	45%	20%
Điểm các học sinh	Điểm giỏi	Điểm khá	Điểm trung bình							
Tỉ lệ	35%	45%	20%							

Câu 16 (3,0 điểm)		
	Hình vẽ phục vụ được câu a	0,25
	Hình vẽ phục vụ được câu b	0,25
	a) Xét $\triangle ABM$ và $\triangle ACM$ có: $AB = AC$ (do $\triangle ABC$ cân tại A) AM (cạnh chung) $BM = CM$ (do M là trung điểm của BC) Vậy $\triangle ABM = \triangle ACM$ (c-c-c)	1,0
	b) Xét $\triangle ANK$ và $\triangle BNC$ có: $NA = NB$ (gt) $\widehat{ANK} = \widehat{BNC}$ (đối đỉnh) $NK = NC$ (gt) Suy ra: $\triangle ANK = \triangle BNC$ (c-g-c) Suy ra $AK = BC$ (2 cạnh tương ứng).	0,25 0,25 0,25
	c) Ta có: $\triangle ABM = \triangle ACM$ (câu a), suy ra $\widehat{AMB} = \widehat{AMC}$ Mà $\widehat{AMB} + \widehat{AMC} = 180^\circ$, suy ra $\widehat{AMB} = \widehat{AMC} = 90^\circ$, suy ra $AM \perp BC$ (1) Lại có: $\triangle ANK = \triangle BNC$ (câu b), suy ra $\widehat{AKN} = \widehat{BCN}$ Mà $\widehat{AKN}, \widehat{BCN}$ nằm ở vị trí so le trong. Do đó: $AK \parallel BC$ (2) Từ (1) và (2) suy ra: $AK \perp AM$. Vậy $\widehat{MAK} = 90^\circ$	0,25 0,25 0,25
Câu 17 (0,5 điểm)	Số tiền điện nhà bạn Dung phải trả: $(50.1728 + 50.1786 + 54.2074).110\% = 316\,465,6$ đồng	0.5

Chú ý: Mọi cách giải khác đúng vẫn cho điểm tối đa của phần đó, câu đó.

Đối với HSKT:

Trắc nghiệm: HSKT làm câu 1 đến câu 10. Mỗi câu đúng được 0,5 điểm (không làm câu 11;12)

Tự luận: (HSKT chỉ làm câu 13a,b; câu 14a; câu 15a,b)

Câu 13a = 1 điểm

Câu 13b = 1 điểm

Câu 14a = 1 điểm

Câu 15a = 1 điểm

Câu 15b = 1 điểm

.....**HẾT**.....